



CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

HOÀNG VĂN CƯƠNG, HOÀNG NAM ANH, NGUYỄN XUÂN TOÀN

Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được coi là xu hướng phát triển tất yếu trong bối cảnh nguồn nguyên nhiên liệu ngày càng khan hiếm, tình trạng ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng biến đổi khí hậu khó lường hiện nay tại nhiều nước trên thế giới. Việc phát triển nền kinh tế xanh hay phát triển nền kinh tế tuần hoàn là phương tiện và là kết quả để phát triển bền vững, bảo vệ môi trường. Việt Nam không nằm ngoài xu thế chung này. Bài viết làm rõ một số nội dung liên quan đến vấn đề cốt lõi của kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, chính sách phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam trong thời gian qua.

Từ khóa: Kinh tế xanh, phát triển bền vững, phát triển kinh tế

POLICY ON GREEN ECONOMIC DEVELOPMENT AND ENVIRONMENTAL PROTECTION IN VIETNAM

Hoang Van Cuong, Hoang Nam Anh, Nguyen Xuan Toan

Green economy, circular economy are considered inevitable development trends in the context of increasing scarcity of fuels and materials, environmental pollution and unpredictable climate change in many countries around the world. The development of a green economy or a circular economy is a mean as well as a result for sustainable development and environmental protection, so that Vietnam is not an outsider. The paper clarifies contents related to key issues of green economy, environmental protection, policy on green economy development in Vietnam in recent years.

Keywords: Green economy, sustainable development, economic development, environmental protection

Ngày nhận bài: 13/6/2022
Ngày hoàn thiện biên tập: 27/6/2022
Ngày duyệt đăng: 30/6/2022

Vấn đề chung về kinh tế xanh

Khái niệm

Trong những năm gần đây, nền kinh tế xanh (Green economy) đã trở thành khái niệm trọng tâm trong chương trình nghị sự phát triển bền vững toàn cầu. Khái niệm này lần đầu tiên được đề cập trong

báo cáo phát triển bền vững do chính phủ Anh ủy quyền từ năm 1989. Tuy nhiên, chỉ trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cuối những năm 2000, kinh tế xanh mới được chú ý đến như một chiến lược phục hồi kinh tế tập trung vào việc tạo ra “việc làm xanh”, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và tạo ra các khoản đầu tư thực sự.

Trên thực tế, nền kinh tế xanh không có định nghĩa được chấp nhận trên toàn cầu. Định nghĩa được sử dụng phổ biến nhất là của chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), theo đó, nền kinh tế xanh được nhắc đến khi xét về mức độ carbon thấp, hiệu quả về tài nguyên và hòa nhập xã hội. Trong nền kinh tế xanh, tăng trưởng việc làm và thu nhập được thúc đẩy bởi đầu tư công và tư nhân vào các hoạt động kinh tế, cơ sở hạ tầng và tài sản cho phép giảm thiểu ô nhiễm, phát thải carbon, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng cũng như ngăn ngừa mất đa dạng sinh học, các dịch vụ hệ sinh thái. Kinh tế xanh là nền kinh tế mang lại kết quả “cải thiện phúc lợi của con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm đáng kể rủi ro môi trường, khan hiếm sinh thái”.

Theo quan điểm của Ủy hội Kinh tế Xã hội châu Á-Thái Bình Dương Liên Hợp Quốc (UNESCAP): Kinh tế xanh là cách tiếp cận để đạt được tăng trưởng kinh tế với mục đích phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo sự bền vững về môi trường. Kinh tế xanh tập trung vào việc đổi mới chất lượng mô hình tăng trưởng thông qua thúc đẩy hiệu quả về sinh thái. Kinh tế xanh được coi là mô hình phát triển chất lượng cao hơn, phát triển theo chiều sâu, tăng trưởng xanh với mục tiêu lồng ghép bảo vệ môi

trường, giảm phát thải carbon trong sản xuất kinh doanh làm động lực phát triển.

Từ những định nghĩa trên, có thể khái quát lại kinh tế xanh là nền kinh tế sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, có mức phát thải thấp và giảm thiểu những rủi ro về môi trường và cải thiện công bằng xã hội.

Vai trò phát triển kinh tế xanh

Phát triển kinh tế xanh có vai trò quan trọng thể hiện ở các nội dung sau:

Thứ nhất, nền kinh tế xanh ghi nhận các giá trị tự nhiên và vai trò của đầu tư cho vốn tự nhiên. Vốn tự nhiên là các tài nguyên thiên nhiên như: rừng, hồ, đất, nước... có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của con người. Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh không chỉ ghi nhận và minh chứng cho giá trị của vốn tự nhiên mà còn cho phép đầu tư, xây dựng vốn tự nhiên nhằm hướng tới kinh tế bền vững.

Thứ hai, kinh tế xanh góp phần xóa đói giảm nghèo. Theo kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển, một trong những cơ hội lớn nhất để tăng tốc độ chuyển đổi sang kinh tế xanh là đầu tư vào cung cấp, dự trữ nước sạch, những dịch vụ vệ sinh cho người nghèo và năng lượng tái tạo để mang lại hiệu quả kinh tế và là phương tiện xóa đói giảm nghèo cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống.

Thứ ba, kinh tế xanh tạo ra công ăn việc làm, cải thiện công bằng xã hội. Việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh dẫn đến thay đổi cơ cấu việc làm và mức tăng số lượng việc làm.

Thứ tư, kinh tế xanh khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ carbon thấp và khuyến khích sử dụng nguồn lực, năng lượng hiệu quả hơn.

Thứ năm, kinh tế xanh giảm thiểu phát thải carbon mở ra cuộc sống đô thị bền vững. Việc sử dụng nhiên liệu sạch, cải thiện hiệu quả năng lượng trong khu vực giao thông chuyển từ các phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng sẽ mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và sức khỏe con người.

Một số vấn đề về bảo vệ môi trường

Môi trường chính là không gian sống của loài người và mọi sinh vật. Điển hình của ô nhiễm môi trường là thiên nhiên ngày một xấu đi. Khí hậu ngày càng khắc nghiệt, mưa, bão, lũ quét thất thường, suy giảm nguồn tài nguyên rừng. Ô nhiễm môi trường xảy ra trên diện rộng, hàng loạt loài động vật bị tuyệt chủng hay đứng trước bờ vực tuyệt chủng, thảm thực vật bị nghèo đi. Nguồn nước bị ô nhiễm với nhiều chất độc hại, nguồn nước tự nhiên cạn kiệt. Không khí ô nhiễm trầm trọng ở các đô thị.

Các hiện tượng cực đoan như: El Nino, sóng thần, thủng tầng ozone, tan băng... đều được các nhà khoa học trên thế giới ghi nhận và cảnh báo. Đó là các vấn đề về môi trường chúng ta đã và đang phải đối mặt.

Có rất nhiều nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, cụ thể như:

- *Nông nghiệp*: Do dư thừa lưu lượng thuốc trừ sâu, phân bón hoá học sử dụng trong quá trình canh tác, sản xuất nông nghiệp. Các chất thải này ngấm dần vào nguồn nước ngầm dưới lòng đất, ao hồ... gây ô nhiễm đất, ô nhiễm nước ngầm...

- *Công nghiệp*: Chất thải công nghiệp là một trong các nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm môi trường. Các nhà máy, xí nghiệp thải các chất thải ra môi trường chưa qua quá trình xử lý. Bên cạnh đó, các nhà máy sử dụng các nhiên liệu hoá thạch làm chất đốt trong quá trình sản xuất đã tạo các khí: CO₂, CO, NO, SO₂... Các khí thải này gây ô nhiễm không khí trầm trọng, thậm chí gây nên hiệu ứng nhà kính.

- *Chất thải rắn*: Nguồn gốc chất thải rắn có thể đến từ sinh hoạt của người dân, từ khu chế xuất hay cơ sở y tế. Các chất thải này không được xử lý đúng quy trình trước khi thải ra môi trường. Việc này gây ô nhiễm: không khí, nước mặt, nước ngầm, đất... Đồng thời, ảnh hưởng trầm trọng đến hệ sinh thái.

- *Khí thải, khói thải*: Đây là nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm không khí. Tình trạng này thường xảy ra tại các thành phố lớn có mật độ dân cư và phương tiện giao thông đông đúc.

Bảo vệ môi trường (BVMT) là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; Cải thiện môi trường, đảm bảo cân bằng sinh thái; Ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường; Khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Các biện pháp BVMT gồm: Hạn chế rác thải, giữ gìn cây xanh, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân; Bảo vệ môi trường nước; Tiết kiệm điện; Giảm sử dụng, tái sử dụng và sử dụng sản phẩm tái chế; Tiết kiệm giấy; Sử dụng chất liệu từ thiên nhiên; Sử dụng năng lượng sạch...

Một số chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

Xác định rõ tầm quan trọng của BVMT trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác này. Từ Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa



XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT... đến văn kiện các kỳ Đại hội Đảng IX, X, XI, XII và đặc biệt là Đại hội XIII đều đã khẳng định, lấy BVMT sống và sức khỏe của Nhân dân là mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường...

Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác BVMT, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các bộ luật, chỉ thị, nghị định, thông tư... nhằm tạo sự thống nhất, xuyên suốt, thực hiện hiệu quả công tác BVMT với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Có thể kể đến, Luật BVMT được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua vào ngày 17/11/2020 và có hiệu thi hành từ ngày 01/01/2022. Luật BVMT năm 2020, đã cải cách mạnh mẽ, cắt giảm 40% thủ tục hành chính nhằm giảm chi phí thực hiện của doanh nghiệp, thu hẹp khoảng cách 20% đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, tích hợp các thủ tục hành chính vào giấy phép môi trường. Những điểm đổi mới căn bản của Luật BVMT năm 2020 gồm:

Thứ nhất, tăng cường hiệu lực, hiệu quả, tính khả thi của các chính sách hiện hành; thay đổi phương thức quản lý hành chính kém hiệu quả, phức tạp sang quản lý dựa vào kết quả mục tiêu cuối cùng, đặc biệt giảm thủ tục hành chính đối với các đối tượng thân thiện môi trường, tăng cường kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Thứ hai, đưa các quy định rải rác, phân tán về BVMT trong các luật khác vào Luật BVMT nhằm hướng đến một bộ luật thống nhất về môi trường, trong đó đưa các chức năng quản lý nhà nước về BVMT nhằm bảo đảm nguyên tắc đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước về BVMT.

Thứ ba, tiếp cận phương pháp quản lý khoa học dựa trên cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin quản lý liên thông các giai đoạn phát triển từ chủ trương, quy hoạch, xây dựng dự án, triển khai thực hiện đến hết vòng đời dự án.

Thứ tư, xây dựng nền tảng thể chế phục vụ kiến tạo các mô hình phát triển bền vững như: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế phát thải ít carbon trong quy hoạch, thiết kế sản xuất, thương mại, tiêu dùng và tái chế xử lý chất thải, sản phẩm, bao bì, sản phẩm sau sử dụng. Hình thành các ngành kinh tế mới như: đầu tư vào vốn tự nhiên, công nghiệp môi trường, hình thành thị trường phát thải.

Thứ năm, lần đầu tiên đưa chính sách môi trường của Việt Nam hài hòa tiệm cận với pháp luật quốc tế,

tạo môi trường pháp lý thuận lợi để Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, sàng lọc các dự án có công nghệ lạc hậu đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, chủ động vượt qua các hàng rào kỹ thuật trong cạnh tranh thương mại toàn cầu.

Theo quy định của Luật BVMT 2020, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề BVMT bao gồm các chính sách về việc thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động BVMT của các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân; chính sách xây dựng văn hóa BVMT, chú trọng tuyên truyền, giáo dục về BVMT và các hình thức xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật về BVMT; chính sách chú trọng BVMT khu dân cư, xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường; chính sách về việc đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho BVMT; chính sách phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; chính sách hội nhập, hợp tác quốc tế về BVMT và các chính sách về việc phát triển các dự án kinh tế – xã hội.

Trước Luật BVMT năm 2020, ngày 31/8/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg về “Một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT”. Chỉ thị số 25/CT-TTg tiếp tục khẳng định, BVMT là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, doanh nghiệp và Nhân dân. Các địa phương khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch hành động về BVMT. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường trên địa bàn. Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện pháp luật về BVMT của các Bộ, ngành, địa phương...

Ngày 28/01/2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTNMT về Nghị định quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT. Nghị định có 7 chương, 24 điều, trong đó bãi bỏ một số điều, quy định không còn phù hợp với tình hình thực tiễn; quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành các quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT

Tiếp đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019: Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu. Nghị định có 9 chương, 66 điều, trong đó quy định về quản lý chất thải bao gồm chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông

thường, sản phẩm thải lỏng, nước thải, khí thải công nghiệp và các chất thải đặc thù khác; BVMT trong nhập khẩu phế liệu...

Nghị định nêu rõ, nguyên tắc chung về quản lý chất thải như: Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp tiết kiệm tài nguyên và năng lượng sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường sản xuất sạch hơn; kiểm toán môi trường đối với chất thải và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng. Việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải phải tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật BVMT...

Chính sách phát triển kinh tế xanh gắn với bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Tại Việt Nam, định hướng về mục tiêu xanh hóa nền kinh tế được thể hiện thông qua “Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050”. Các nhiệm vụ chiến lược gồm có: giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững. Chiến lược này đã được trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và là chiến lược quốc gia toàn diện về phát triển kinh tế xanh ở nước ta hiện nay.

Cùng với chiến lược này, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Chương trình Hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững từ 2021-2030 với mục tiêu khai thác và sử dụng tài nguyên bền vững, thân thiện với môi trường cũng như tạo việc làm ổn định và việc làm xanh, từ đó thúc đẩy lối sống bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nước ta đã thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng sạch cũng như cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp và giảm phát thải khí nhà kính, phát triển xã hội ít carbon.

Lĩnh vực nông-lâm nghiệp cũng đã đạt được những bước tiến đáng kể. Các chương trình ứng dụng vào thực tế đã mang lại nhiều kết quả tích cực như quy trình thực hành nông nghiệp tốt, quy trình tưới tiêu tiết kiệm nước... Ngoài ra, lối sống xanh và tiêu dùng bền vững cũng được người tiêu dùng áp dụng trong mua sắm và sử dụng sản phẩm.

Khó khăn và thách thức của Việt Nam khi phát triển kinh tế xanh

Xu hướng phát triển kinh tế xanh trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang gặp phải một số khó khăn, thách thức gồm:

Thứ nhất, thói quen sản xuất, tiêu dùng của phần lớn doanh nghiệp và người dân còn lãng phí. Vấn đề lý luận và nhận thức về kinh tế xanh ở nước ta vẫn còn khá mới mẻ cần nghiên cứu, phổ biến rộng rãi hơn.

Thứ hai, các cơ chế, chính sách và văn bản pháp luật về thực hiện kinh tế xanh ở Việt Nam gần như là chưa có và chỉ tập trung vào tăng trưởng xanh.

Do đó, cần rà soát các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan để phù hợp với mô hình phát triển mới hướng tới nền kinh tế xanh.

Thứ ba, công nghệ sản xuất ở nước ta hiện nay phần lớn là các công nghệ cũ, tiêu hao nhiều năng lượng và xử lý chất thải kém gây ô nhiễm và phát thải khí nhà kính... Trong khi đó, kinh tế xanh hướng tới sử dụng năng lượng tái tạo, carbon thấp... do đó, cần đầu tư ứng dụng các công nghệ tiên tiến để phù hợp với nền kinh tế xanh.

Thứ tư, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển có tài chính và nguồn vốn chưa đủ để phục vụ quá trình triển khai nền kinh tế xanh rộng khắp.

Thứ năm, Việt Nam chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu nên lộ trình xây dựng kinh tế xanh trong bối cảnh này còn nhiều khó khăn và thách thức.

Phát triển mô hình kinh tế xanh đang là xu hướng phát triển toàn cầu và cần sự “đồng tâm hiệp lực” của toàn xã hội. Nền kinh tế xanh vừa mang lại hạnh phúc cho con người, ổn định cho xã hội vừa có vai trò giảm các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái. Để phát triển mô hình kinh tế xanh cần có sự kết hợp nhịp nhàng giữa doanh nghiệp với chính sách, cơ chế của Đảng và Nhà nước. 

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2020), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
2. Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013), Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT;
3. Thủ tướng Chính phủ (2016), Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về “Một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT”;
4. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050;
5. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 về ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Thông tin tác giả:

Hoàng Văn Cương, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Hoàng Nam Anh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI)
Nguyễn Xuân Toàn, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI)
Email: cuonghgv@yahoo.com